

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2017/DSST

Ngày: 25/7/2017.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự  
vay tài sản*”.

## **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **ĐINH THỊ THANH TÚ**

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông **HA TÔNG**

+ Ông **PĂNG TING NÔCK**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **TRẦN THỊ HƯƠNG** - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa: Ông **PHẠM THANH VINH** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 03 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2017/QĐST-DS ngày 21/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2017/QĐST-DS ngày 06/7/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **NGUYỄN THỊ T** sinh năm: 1968. Trú tại: Số 305 khu D chung cư Yersin, phường X, thành phố Đ, *có mặt tại phiên tòa*.

Bị đơn: Vợ chồng ông **CHÂU P**, sinh năm: 1964, bà **HỒ THỊ NGỌC Đ**, sinh năm: 1963. Cùng trú tại: Hẻm 27, số 27C/7, đường Hồ Xuân Hương, phường X, thành phố Đ, *vắng mặt tại phiên tòa*.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:** Bà T và vợ chồng ông P, bà Đ có quan hệ quen biết, bà Đ nhiều lần điện thoại nhờ Bà T vay tiền dùng để mua hàng hóa gửi đi các tỉnh tổng cộng số tiền nhờ vay là 50.000.000đ, cụ thể các lần vay như sau:  
Lần 1: Từ ngày 30/6/2014 đến ngày 02/7/2014 bà Đ nhờ Bà T vay 20.000.000đ.

Ngày 03/7/2014 Bà T giao tiền cho bà Đ tại quán cà phê Minh Nhật, khi vay hai bên có viết giấy mượn tiền, khi viết giấy mượn tiền hai bên không thỏa thuận lãi suất, thỏa thuận thời hạn trả là ngày 03/9/2014. Lần 2: Ngày 05/7/2014 bà Đ nhờ Bà T vay 10.000.000đ. Ngày 08/7/2014 Bà T giao tiền cho bà Đ tại quán cà phê Minh Nhật, khi viết giấy mượn tiền hai bên không thỏa thuận lãi suất, thỏa thuận thời hạn trả là ngày 08/9/2014. Lần 3: Ngày 10/7/2014 bà Đ nhờ Bà T vay 20.000.000đ. Ngày 11/7/2014 Bà T giao tiền cho bà Đ, khi viết giấy mượn tiền hai bên không thỏa thuận lãi suất, thỏa thuận thời hạn trả là ngày 11/9/2014. Trong tất cả các lần Bà T giao tiền cho bà Đ đều có mặt của ông P, ông P là người nhận tiền, bà Đ là người viết giấy mượn tiền. Đã nhiều lần bà đề nghị vợ chồng ông P, bà Đ trả cho bà số tiền 50.000.000đ nhưng ông P, bà Đ không thực hiện. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông P, bà Đ phải trả cho bà số tiền nói trên, bà không yêu cầu lãi suất.

**Theo bản tự khai bà Hồ Thị Ngọc Đ trình bày:** Trước đây bà có mượn của bà T. Cụ thể: : Lần thứ nhất 20.000.000đ (lãi suất thỏa thuận), trong 10 ngày bà đã trả 22.000.000đ; Lần thứ hai mượn 30.000.000đ lãi suất thỏa thuận 7%/tháng tương đương 2.100.000đ/tháng; Lần thứ ba mượn thêm 20.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 10%/tháng tương đương 2.000.000đ/tháng. Bà đã trả lãi được hai tháng là 10.000.000đ; Chi tiền dịch vụ Ngân hàng cho Bà T là 7.500.000đ, trả tiền gốc thêm cho Bà T 2.000.000đ. Bà đã trả tiền lãi tổng cộng cho Bà T là 20.000.000đ. Sau đó, bà bị bệnh nên không có tiền trả tiền lãi và gốc cho bà T.

Trong quá trình xét xử nguyên đơn Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng ông Châu P, bà Hồ Thị Ngọc Đ trả 50.000.000đ tiền gốc, bà không yêu cầu lãi suất.

Bà Đ và ông P vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt phát biểu quan điểm về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như của Hội đồng xét xử tại phiên tòa. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, buộc bị đơn vợ chồng ông Châu P, bà Hồ Thị Ngọc Đ phải trả cho nguyên đơn Bà T 50.000.000đ.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

**Về thủ tục tố tụng:** Trong quá trình giải quyết đơn khởi kiện và thụ lý, giải quyết vụ án vợ chồng ông Châu P, bà Hồ Thị Ngọc Đ chỉ đến Tòa án thành phố Đà Lạt một lần và làm bản tự khai vào ngày 16/3/2017, sau đó, mặc dù Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông P, bà Đ vắng mặt. Tại phiên tòa ông P, bà Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai

nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vắng mặt ông P, bà Đ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

**Về quan hệ tranh chấp:** Do có quan hệ quen biết nên bà Nguyễn Thị T có cho vợ chồng ông Châu P, bà Hồ Thị Ngọc Đ vay tổng cộng số tiền 50.000.000đ chia làm 03 lần. Trong các giấy vay tiền các bên không thỏa thuận về lãi suất nhưng có thỏa thuận về thời hạn trả nợ, tuy nhiên, khi đến hạn, Bà T nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông P, bà Đ trả nợ nhưng vợ chồng ông P, bà Đ không thực hiện theo đúng thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp. Do đó, quan hệ tranh chấp giữa các bên là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt giải quyết tranh chấp nói trên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**Về nội dung vụ án:** trên thực tế giữa bà Nguyễn Thị T và bà Hồ Thị Ngọc Đ có xác lập giao dịch dân sự vay tiền, cụ thể như sau: Lần thứ nhất vào ngày 03/7/2014 Bà T cho bà Đ vay 20.000.000đ, các bên không thỏa thuận lãi, thỏa thuận thời hạn trả nợ vào ngày 3/9/2014; Lần thứ hai vào ngày 8/7/2014 Bà T cho bà Đ vay 10.000.000đ, các bên không thỏa thuận lãi, thỏa thuận thời hạn trả nợ vào ngày 8/9/2014; Lần thứ 3 vào ngày 11/7/2014 Bà T cho bà Đ vay 20.000.000đ, các bên không thỏa thuận lãi, thỏa thuận thời hạn trả nợ vào ngày 11/9/2014. Theo Bà T trình bày cả 03 lần khi bà tiến hành giao tiền thì ông P là người nhận tiền còn bà Đ là người ký giấy vay tiền. Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện việc vay tiền nói trên được các bên lập thành văn bản, có chữ ký của bà Đ, sự thỏa thuận của các bên là tự nguyện, mục đích và nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, tại thời điểm xác lập giao dịch các bên có năng lực hành vi và năng lực pháp luật dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập vì vậy, giao dịch nói trên không bị vô hiệu, các bên phải thực hiện theo thỏa thuận là phù hợp. Theo bản tự khai do bà Đ viết nội dung và có chữ ký xác nhận của ông P thì bà Đ thừa nhận có vay tiền của bà T, nhưng bà đã trả cho Bà T tổng cộng 20.000.000đ tiền lãi, tiền gốc là 2.000.000đ, tiền dịch vụ Ngân hàng cho Bà T là 7.500.000đ, trong đó, có khoản bà vay với lãi suất 7%, có khoản bà vay với lãi suất 10%, sau đó, do bà bị bệnh nên không thể tiếp tục trả tiền lãi và tiền gốc cho bà T. Tuy nhiên, bà Đ và ông P không xuất trình được chứng cứ chứng minh việc ông P, bà Đ đã trả tiền gốc cũng như tiền lãi cho Bà T nên không có cơ sở xem xét. Từ những nhận định trên chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc vợ chồng ông P, bà Đ trả cho Bà T 50.000.000đ là phù hợp.

**Về án phí:** Do yêu cầu của Bà T được chấp nhận nên ông P, bà Đ phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 117, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

- Căn Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc vợ chồng ông Châu P, bà Hồ Thị Ngọc Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

*Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

**Về án phí:** Vợ chồng ông P, bà Đ phải chịu 2.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ biên lai thu số AA/2015/0008197 ngày 20/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T 1.250.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. /.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán–Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm  
Đồng (02);
- VKSND tp.Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp.  
Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**Đinh Thị Thanh Tú**